

**ĐỀ CHÍNH THỨC**

**Môn: VĂN, khối D**  
(Đáp án - Thang điểm có 03 trang)

| Câu       | Ý        | Nội dung  | Điểm       |
|-----------|----------|---|------------|
| <b>I</b>  |          | <b>Trình bày hoàn cảnh ra đời và những đặc sắc nghệ thuật bài thơ <i>Việt Bắc</i> của Tố Hữu</b>  | <b>2,0</b> |
|           | <b>1</b> | <b>Hoàn cảnh ra đời bài thơ <i>Việt Bắc</i> (1,0 điểm)</b>  |            |
|           |          | - <i>Việt Bắc</i> là tác phẩm xuất sắc của Tố Hữu nói riêng và thơ Việt Nam hiện đại nói chung. Bài thơ được sáng tác vào tháng 10 năm 1954. Đây là thời điểm các cơ quan Trung ương của Đảng và Chính phủ rời chiến khu Việt Bắc trở về thủ đô Hà Nội, sau khi cuộc kháng chiến chống Pháp đã kết thúc vẻ vang với chiến thắng Điện Biên Phủ và hòa bình được lập lại ở miền Bắc.  | 0,5        |
|           |          | - Nhân sự kiện có ý nghĩa lịch sử này, Tố Hữu viết bài thơ để ôn lại một thời kháng chiến gian khổ mà hào hùng, thể hiện nghĩa tình sâu nặng của những người con kháng chiến đối với nhân dân Việt Bắc, với quê hương Cách mạng.  | 0,5        |
|           | <b>2</b> | <b>Những đặc sắc nghệ thuật của bài thơ <i>Việt Bắc</i> (1,0 điểm)</b>  |            |
|           |          | Bài thơ <i>Việt Bắc</i> (đoạn trích được học) có nghệ thuật đậm đà tính dân tộc:  |            |
|           |          | - Thể thơ lục bát là thể thơ quen thuộc của dân tộc đã được sử dụng thành công.   | 0,5        |
|           |          | - Kết cấu đối đáp thường thấy trong ca dao, dân ca truyền thống được dùng một cách sáng tạo để diễn tả nội dung tình cảm phong phú về quê hương, con người, Tô quốc và Cách mạng.   |            |
|           |          | - Cập đại từ nhân xưng <i>minh - ta</i> với sự biến hóa linh hoạt và những sắc thái ngữ nghĩa - biểu cảm phong phú vốn có của nó được khai thác rất hiệu quả.   | 0,5        |
|           |          | - Những biện pháp tu từ (so sánh, ẩn dụ, tượng trưng...) quen thuộc với cách cảm, cách nghĩ của quần chúng được dùng nhuần nhuyễn.  |            |
| <b>II</b> |          | <b>Phân tích hình tượng sóng trong bài thơ <i>Sóng</i> của Xuân Quỳnh. Nêu cảm nhận về vẻ đẹp tâm hồn người phụ nữ trong tình yêu qua hình tượng này</b>  | <b>5,0</b> |
|           | <b>1</b> | <b>Giới thiệu tác giả, tác phẩm (0,5 điểm)</b>  |            |
|           |          | - Xuân Quỳnh (1942 - 1988) là một nhà thơ nữ xuất sắc của văn học Việt Nam hiện đại. Thơ Xuân Quỳnh thể hiện một trái tim phụ nữ hồn hậu, chân thành, khao khát tình yêu, biết nâng niu hạnh phúc đời thường bình dị.   | 0,5        |
|           |          | - <i>Sóng</i> (in trong tập <i>Hoa dọc chiến hào</i> ) được sáng tác năm 1967, tiêu biểu về nhiều mặt cho hồn thơ Xuân Quỳnh.   |            |
|           | <b>2</b> | <b>Phân tích hình tượng sóng (3,0 điểm)</b>   |            |
|           |          | - Sóng là hình tượng trung tâm của bài thơ và là một hình tượng ẩn dụ. Cùng với hình tượng <i>em</i> (hai hình tượng này song hành suốt tác phẩm), <i>sóng</i> thể hiện những trạng thái, quy luật riêng của tình yêu cùng vẻ đẹp tâm hồn người phụ nữ rất truyền thống mà rất hiện đại.  | 0,5        |
|           |          | - Sóng có nhiều đối cực như tình yêu có nhiều cung bậc, trạng thái và như tâm hồn người phụ nữ có những mặt mâu thuẫn mà thống nhất (Phân tích hai câu đầu với kết cấu đối lập - song hành và với việc đặt các từ <i>địu êm, lặng lẽ</i> ở cuối câu tạo điểm nhấn).   | 0,5        |
|           |          | - Hành trình của sóng tìm tới biển khơi như hành trình của tình yêu hướng về cái vô biên, tuyệt đích, như tâm hồn người phụ nữ không chịu chấp nhận sự chật hẹp, tù túng (Phân tích hai câu sau của khổ 1 với kiểu nói nhấn mạnh như <i>không hiểu nổi, tìm ra tận...</i> ).  | 0,5        |
|           |          | - Điểm khởi đầu bí ẩn của sóng giống điểm khởi đầu và sự màu nhiệm, khó nắm bắt của tình yêu (Phân tích các khổ 3, 4 của bài thơ với điệp từ <i>ngỡ</i> và sự xuất hiện của nhiều câu hỏi...).  | 0,5        |
|           |          | - Sóng luôn vận động như tình yêu gắn liền với những khát khao, trăn trở không yên, như người phụ nữ khi yêu luôn da diết nhớ nhung, cồn cào ước vọng về một tình yêu vững bền, chung thủy (Phân tích các khổ 5, 6, 7, 8 của bài thơ với lối sử dụng điệp từ, điệp ngữ, điệp cú pháp; với hiệu quả của hình thức đối lập <i>trên - dưới, thức - ngủ, bắc - nam, xuôi - ngược...</i> ; với kiểu giải bày tình cảm bộc trực như <i>Lòng em nhớ đến anh/ Cả trong mơ còn</i> | 0,5        |

|              |  |            |
|--------------|--|------------|
|              | <p><i>thức...).</i></p> <p>- Sóng là hiện tượng thiên nhiên vĩnh cửu như tình yêu là khát vọng muôn đời của con người, trước hết là người phụ nữ (nhân vật trữ tình) muốn dâng hiến cả cuộc đời cho một tình yêu đích thực (Phân tích khổ cuối của bài thơ với ý nghĩ và cách nói rất táo bạo của một người con gái hiện đại: <i>Làm sao được tan ra...</i>).</p>  | 0,5        |
| <b>3</b>     | <b>Nêu cảm nhận về vẻ đẹp tâm hồn người phụ nữ trong tình yêu qua hình tượng sóng (1,0 điểm)</b>   |            |
|              | <p>- Trước hết, hình tượng sóng cho ta thấy được những nét đẹp truyền thống của người phụ nữ trong tình yêu: thật đầm thắm, dịu dàng, thật hồn hậu dễ thương, thật chung thủy.</p> <p>- Hình tượng sóng cũng thể hiện được nét đẹp hiện đại của người phụ nữ trong tình yêu: táo bạo, mãnh liệt, dám vượt qua mọi trở ngại để giữ gìn hạnh phúc, dù có phấp phỏng trước cái vô tận của thời gian, nhưng vẫn vững tin vào sức mạnh của tình yêu.</p>  | 0,5<br>0,5 |
| <b>4</b>     | <b>Kết luận (0,5 điểm)</b>   |            |
|              | <p>- <i>Sóng</i> là bài thơ tình thuộc loại hay nhất của Xuân Quỳnh nói riêng và thơ Việt Nam hiện đại nói chung.</p> <p>- Riêng việc sử dụng hình tượng sóng làm ẩn dụ thì không mới, nhưng những tâm sự về tình yêu cùng cách khai thác sức chứa của ẩn dụ này lại có những nét thực sự mới mẻ. Xuân Quỳnh quả đã tìm được một hình tượng thơ đẹp để giải bày tình yêu dịu dàng mà mãnh liệt, gần gũi, riêng tư mà rộng mở, phóng khoáng của người phụ nữ.</p>   | 0,5        |
| <b>III.a</b> | <b>Phân tích hình tượng cây xà nu trong truyện <i>Rừng xà nu</i> của Nguyễn Trung Thành. Nhận xét về nghệ thuật miêu tả cây xà nu</b>  | <b>3,0</b> |
| <b>1</b>     | <b>Giới thiệu chung (0,5 điểm)</b>   |            |
|              | <p>- Nguyễn Trung Thành (Nguyễn Ngọc) gắn bó với Tây Nguyên suốt hai cuộc kháng chiến và có nhiều tác phẩm thành công về mảnh đất, con người nơi này.</p> <p>- Truyện ngắn <i>Rừng xà nu</i> ra đời năm 1965, khi đế quốc Mĩ bắt đầu đổ quân ào ạt vào miền Nam, là câu chuyện về cuộc nổi dậy của dân làng Xô Man.</p> <p>- Cây xà nu là một hình tượng nổi bật và xuyên suốt tác phẩm.</p>   | 0,5        |
| <b>2</b>     | <b>Phân tích hình tượng cây xà nu (1,5 điểm)</b>   |            |
|              | <p><b>a. Cây xà nu gắn bó với cuộc sống con người Tây Nguyên</b></p> <p>- Cây xà nu hiện lên trong tác phẩm trước hết như một loài cây đặc thù, tiêu biểu của miền đất Tây Nguyên. Qua hình tượng cây xà nu, nhà văn đã tạo dựng được một bối cảnh hùng vĩ và hoang dã đậm màu sắc Tây Nguyên cho câu chuyện.</p> <p>- Cây xà nu gần gũi với đời sống của người dân Xô Man, là chứng nhân của những sự kiện quan trọng xảy ra với họ trong cuộc kháng chiến chống Mĩ trường kì.</p> <p><b>b. Cây xà nu tượng trưng cho phẩm chất và số phận con người Tây Nguyên trong chiến tranh Cách mạng</b></p> <p>- Thương tích mà rừng xà nu phải gánh chịu do đại bác của kẻ thù gọi nghĩ đến những mất mát, đau thương vô bờ mà đồng bào ta đã trải qua trong thời kỳ cách mạng miền Nam bị khủng bố ác liệt.</p> <p>- Sự tồn tại kỳ diệu của rừng xà nu qua những hành động hủy diệt, tàn phá thể hiện sự bất khuất, kiên cường, sự vươn lên mạnh mẽ của con người Tây Nguyên, của đồng bào miền Nam trong cuộc chiến đấu một mất một còn với kẻ thù.</p> <p>- Đặc tính “ham ánh sáng” của cây xà nu tượng trưng cho niềm khao khát tự do, lòng tin vào lý tưởng Cách mạng của người dân Tây Nguyên, của đồng bào miền Nam.</p> <p>- Khả năng sinh sôi mãnh liệt của cây xà nu cùng sự rộng lớn, bạt ngàn của rừng xà nu gọi nghĩ đến sự tiếp nối của nhiều thế hệ người dân Tây Nguyên đoàn kết bên nhau kháng chiến.</p> | 0,5<br>1,0 |
| <b>3</b>     | <b>Nhận xét về nghệ thuật miêu tả cây xà nu (0,5 điểm)</b>   |            |
|              | <p>- Kết hợp miêu tả bao quát lẫn cụ thể, khi dựng lên hình ảnh cả khu rừng, khi đặc tả cận cảnh một số cây.</p> <p>- Phối hợp cảm nhận của nhiều giác quan trong việc miêu tả những cây xà nu với vóc dáng đầy sức lực, tràn trề mùi nhựa thơm, ngời xanh dưới ánh nắng...</p> <p>- Miêu tả cây xà nu trong sự so sánh, đối chiếu thường xuyên với con người. Các hình thức nhân hóa, ẩn dụ, tượng trưng đều được vận dụng nhằm thể hiện sống động vẻ hùng vĩ,</p>  | 0,5        |

|   |   |  |            |
|---|---|--|------------|
|   |   | <p>khoáng đạt của thiên nhiên đồng thời gợi nhiều suy tưởng sâu xa về con người, về đời sống.</p> <p>- Giọng văn đầy biểu cảm với những cụm từ được lặp đi lặp lại gây cảm tưởng đoạn văn giống như một đoạn thơ trữ tình.</p>   |            |
|   | 4 | <b>Kết luận (0,5 điểm)</b>   |            |
|   |   | <p>- Nguyễn Trung Thành đã khắc họa thành công hình tượng cây xà nu tiêu biểu cho vẻ đẹp hào hùng, đầy sức sống của thiên nhiên và con người Tây Nguyên.</p> <p>- Trong nghệ thuật miêu tả cây xà nu, chất thơ và chất sử thi hòa quyện nhuần nhuyễn, thể hiện rõ một phong cách văn xuôi vừa say mê, vừa trầm tư, vừa giỏi tạo hình, vừa giàu sức khái quát của Nguyễn Trung Thành.</p>   | 0,5        |
| <b>III.b</b>  |   | <b>Trình bày cảm nghĩ về bi kịch nhân vật Vũ Như Tô trong vở kịch Vũ Như Tô của Nguyễn Huy Tưởng</b>   | <b>3,0</b> |
|   | 1 | <b>Giới thiệu chung (0,5 điểm)</b>   |            |
|   |   | <p>- <i>Vũ Như Tô</i> là vở kịch xuất sắc của Nguyễn Huy Tưởng và của nền kịch Việt Nam hiện đại. Tác phẩm được sáng tác năm 1941, dựa trên một sự kiện lịch sử xảy ra ở kinh thành Thăng Long vào thời Hậu Lê.</p> <p>- Trong đoạn trích được học, gây ấn tượng sâu sắc nhất là bi kịch của nhân vật Vũ Như Tô.</p>   | 0,5        |
|   | 2 | <b>Trình bày cảm nghĩ về bi kịch nhân vật Vũ Như Tô (2,0 điểm)</b>   |            |
|   |   | <p><b>a. Những nét chính trong bi kịch của nhân vật Vũ Như Tô</b></p> <p>Bi kịch Vũ Như Tô là bi kịch của người nghệ sĩ có tài và có hoài bão lớn, nhưng không giải quyết được những mối quan hệ phức tạp giữa nghệ thuật và đời sống, đặc biệt là không giải quyết được thực sự đúng đắn vấn đề sáng tạo nghệ thuật cho ai và để làm gì:</p> <p>- Vũ Như Tô muốn xây một công trình kiến trúc vĩ đại, tuyệt mỹ, tô điểm cho non sông và mục đích đó là hết sức cao đẹp, xuất phát từ thiên chức của người nghệ sĩ, từ lòng yêu nước và tinh thần dân tộc.</p> <p>- Nhưng trên thực tế, Cửu Trùng Đài xây trên tiền của, mồ hôi, xương máu của nhân dân và nếu được hoàn thành, nó cũng chỉ là nơi ăn chơi sa đọa của vua chúa. Vũ Như Tô đã sai lầm khi lợi dụng quyền lực của bạo chúa để thực hiện khát vọng nghệ thuật của mình, chỉ đứng trên lập trường nghệ sĩ nên trở thành kẻ đối nghịch với nhân dân.</p> <p>- Chính vì vậy, nhân dân căm hận bạo chúa, đồng thời cũng oán trách, nguyên rủa người kiến trúc sư và cuối cùng đã giết chết cả Lê Tương Dực lẫn Vũ Như Tô, đốt cháy Cửu Trùng Đài.</p> | 1,0        |
|   |   | <p><b>b. Trình bày cảm nghĩ</b></p> <p>- Thương cảm người nghệ sĩ có tài, có tâm, đam mê nghệ thuật, khao khát sáng tạo, sẵn sàng hy sinh tất cả cho cái đẹp, nhưng xa rời thực tế mà phải trả giá đắt bằng sinh mệnh và cả công trình nghệ thuật của mình.</p> <p>- Không có cái đẹp tách rời cái chân, cái thiện. Tác phẩm nghệ thuật không thể chỉ mang cái đẹp thuần túy, mà phải có mục đích phục vụ nhân dân. Người nghệ sĩ phải có hoài bão lớn, có khát vọng sáng tạo những công trình vĩ đại cho muôn đời, nhưng cũng phải biết xử lý đúng đắn mối quan hệ giữa khát vọng đó với điều kiện thực tế của cuộc sống, với đòi hỏi của muôn dân.</p> <p>- Xã hội phải biết tạo điều kiện sáng tạo cho các tài năng, vun đắp tài năng, quý trọng nâng niu những sản phẩm nghệ thuật đích thực.</p>  | 1,0        |
|   | 3 | <b>Kết luận (0,5 điểm)</b>   |            |
|   |   | <p>Qua bi kịch của nhân vật Vũ Như Tô, Nguyễn Huy Tưởng gợi những suy tư sâu sắc về mối quan hệ giữa người nghệ sĩ với hoạt động sáng tạo nghệ thuật và hiện thực đời sống của nhân dân.</p>   | 0,5        |
| <p><b>Lưu ý chung cho toàn bài</b></p> <p>- Chỉ cho điểm tối đa theo thang điểm trong trường hợp thí sinh không những nói đủ ý cần thiết, mà còn biết cách tổ chức bài văn, diễn đạt lưu loát, đúng văn phạm, không sai chính tả.</p> <p>- Có thể chấp nhận cách sắp xếp ý không hoàn toàn giống với đáp án, miễn là đảm bảo tính logic; chấp nhận những ý ngoài đáp án, nhưng phải có cơ sở khoa học, hợp lí. Khuyến khích những kiến giải riêng thực sự có ý nghĩa, liên quan trực tiếp đến vấn đề.</p> |   |  |            |

----- Hết -----